

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Số: 2325/TTPTQĐ.CNLT-TBT.N1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 13 tháng 10 năm 2026

V/v Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (GD 1), tại phường Long Thành (đợt 3).

Kính gửi: UBND Phường Long Thành.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 10/10/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 3).

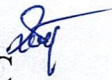
(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).

Nay, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND Phường Long Thành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND Phường Long Thành, địa điểm sinh hoạt chung của dân cư đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND Phường Long Thành trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Đề nghị UBND Phường Long Thành quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ.TTPTQĐCNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật; An, Vinh, Hưng);
- Lưu: VT.N1.


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Mai Ngọc Thắng

Long Thành, ngày tháng 10 năm 2026.

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN

**Về bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án
Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1)
tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua
địa bàn phường Long Thành (đợt 3).**

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

*Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế,
chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy
định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền,
phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi,
bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy
định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc
trong thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Văn bản số 90/VBHN-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ Nông nghiệp
và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều
Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân
dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá
đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân
dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng
Nai năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh
Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ,
tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành phố Đồng Nai Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc uỷ quyền cho Ủy ban Nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND Thành phố Đồng Nai ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn Thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai.

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 22/8/2026 của UBND xã Phước Thái về việc thu hồi đất để thực hiện dự án tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 3), cụ thể như sau:

I/. Về trách nhiệm trong việc xác nhận hồ sơ, thẩm tra, lập phương án bồi thường trình thẩm định, phê duyệt:

Căn cứ khoản 5, Điều 224 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội quy định “Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính về đất đai chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền và thời gian theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó”;

Theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024: “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”.

Về trách nhiệm: Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành không chịu trách nhiệm về những sai sót đối với việc cấp giấy CNQSD đất không đúng quy định, việc xác định thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc. Các sai sót trong việc cấp giấy CNQSD đất trước đây không đúng quy định, việc xác định thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc do các Tổ chức, cá nhân đã thực hiện phải chịu trách nhiệm;

Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành căn cứ vào hồ sơ bồi thường đã được các cơ quan đơn vị xác nhận, thẩm tra, chấp thuận để áp giá, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chỉ chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý trong công tác áp giá số lượng, số liệu để lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình thẩm định, phê duyệt; không chịu trách nhiệm về các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền chấp thuận, xác nhận, thẩm tra, thẩm định theo chức năng nhiệm vụ.

II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gồm:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 57 thửa/ 37.132,5 m². Trong đó:

- Đất nông nghiệp (CLN, HNK, RSX): 36.932,5 m².
- Đất ở (ODT): 200 m².

1.1. Bồi thường đất:

Căn cứ Điều 95, 96, 101 Luật Đất đai 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai; Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026; Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Về loại đất, diện tích, quá trình sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành trong giấy xác nhận nguồn gốc đất (mẫu 2), UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận này.

Về vị trí đất, thông tin thửa đất thu hồi: Căn cứ Danh sách xác định vị trí các thửa đất và các Phiếu cung cấp thông tin của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành.

1.2. Bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác trên đất:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc thời điểm xây dựng nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác, xác nhận không bị lập biên bản về vi phạm trong quá trình xây dựng (*theo quy định tại Điều 19, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh*). UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026; Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành phố Đồng Nai.

1.3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

1.4. Các chính sách hỗ trợ:

Đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Điều 10, 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Các trường hợp có đất thu hồi có hộ khẩu thường trú tại địa phương, UBND phường Long Thành và Công an phường Long Thành xác nhận các trường hợp đủ điều kiện *(theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)*, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tính toán áp giá chính sách hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định

- Các trường hợp hộ dân có đất thu hồi là có hộ khẩu thường trú ngoài địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã có văn bản gửi đến Công an phường, xã nơi hộ dân cư trú để xác nhận nhân khẩu và nghề nghiệp sau khi có ý kiến của cơ quan chức năng nơi các hộ dân cư trú, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp bổ sung chính sách hỗ trợ (nếu xác nhận đủ điều kiện).

1.5. Thương di dời:

Thương đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Tổng số trường hợp có đất thu hồi:

Tổng số trường hợp: **52 trường hợp**, trong đó:

Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **21.303.311.367 đồng**.

(Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, ba trăm lẻ ba triệu, ba trăm mười một ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

Trong đó:

- Giá trị Bồi thường, hỗ trợ đất:	14.125.815.080 đồng.
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc:	1.977.877.317 đồng.
- Giá trị Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:	579.565.916 đồng.
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ:	3.275.651.220 đồng
- Thương di dời:	624.000.000 đồng.
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%):	720.401.834 đồng.

(Đính kèm Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ).

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, không có giá trị bồi thường cho các hộ dân; Sau khi hết thời gian niêm yết UBND phường Long Thành thẩm định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai chi nhánh Long Thành sẽ thông báo chi trả tiền cho các hộ theo quy định.

Trên đây là phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1), tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 3)/.

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VỀ BÒI THƯỜNG, HỒ TRỢ

Thuộc dự án: Tiêu Thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1), qua Phường Long Thành (đợt 3)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dôi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Phi nông nghiệp		Nông nghiệp						Chưa sử dụng					
			Tổng	Đất ở tại đô thị	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác				
1	Lê Huy Soái	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	26,3		26,3	26,3							61.536		2.000.000	10.413.101
2	Hồ Nhật Linh	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	606,6		606,6	606,6					606,6		1.584.552		12.000.000	206.210.382
3	Trịnh Nguyễn Nhật Tân	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	146		146	146	146						14.368.598		8.000.000	62.201.838
4	Phạm Tuấn Cường	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	135,6		135,6	135,6					135,6		4.247.880		4.000.000	47.768.500
5	Trình Thị Thảo; Trình Thị Thu; Trình Thị Sang; Trình Thị Ngọc	Tổ 23, khu phố Xuân Thiện, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai	628,8		628,8	628,8	628,8						42.862.468		16.000.000	226.879.768
6	Huỳnh Bội Nghi - Huỳnh Thúc Nghi - Huỳnh Chí Cường - Huỳnh Kim Toàn - Huỳnh Sum Vinh - Huỳnh Vũ Hùng - Huỳnh Vũ Nghiệp - Huỳnh Văn Hiến - Huỳnh Mẫn Nghi- Huỳnh Mỹ Nghi (đồng sử dụng)	272 Hàn Hải Nguyên, phường Bình Thới, Tp HCM	2495,3		2495,3	2495,3	2495,3						72.827.048		20.000.000	885.209.563
7	Nguyễn Thị Lãnh	2305 Tòa N01 - T8 K.Đoàn N/Giao, Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	341,7		341,7	341,7	341,7								16.000.000	297.202.270
8	Lê Thị Dương	Khu phố Thanh Bình, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	686,9	200	486,9	486,9	486,9						6.934.743		20.000.000	545.856.070
9	Hoàng Gia Chuyển	292B, Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn	2359,4		2359,4	2359,4	2359,4								20.000.000	769.227.470
10.	Phạm Văn Oanh (ĐG, chết) - Chưa xác định người thừa kế	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, TP.Đồng Nai	3023,5		3023,5	3023,5	3023,5				3023,5		54.091.951		20.000.000	976.825.126

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dôi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Tổng	Nông nghiệp						Chưa sử dụng								
				Phi nông nghiệp	Đất ở tại đô thị	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa		Đất rừng sản xuất	Đất trồng cây hàng năm khác						
11	Lê Hồng Sơn	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	233,8		233,8			233,8				84.752.500		3.941.507		8.000.000	96.694.007	
12	Phan Thị Ánh Hồng	54/7 Bùi Quang Lã, phường An Hội Tây, TP.HCM	194		194	194						56.260.000		418.817		8.000.000	64.678.817	
13	Hoàng Thị Hải	70/13 Khu phố Đồng A, phường Đồng Hòa, TP. Hồ Chí Minh	321,8		321,8	321,8						116.652.500		5.998.890		12.000.000	134.651.390	
14	Phạm Văn Toàn - Nguyễn Thị Thanh	Khu phố Phước Hải, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	2016,4		2016,4	2016,4						584.756.000		28.471.935		20.000.000	633.227.935	
15	Phan Kim Phương	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1142,2		1142,2			1142,2				166.447.095		8.165.005		12.000.000	186.612.100	
16	Phạm Minh Hoàng	Khu phố Phước Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	317,2		317,2	317,2						114.985.000		4.408.775		12.000.000	131.393.775	
17	Lê Thị Mỹ Vy	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	1100,1		1100,1			1100,1				765.669.600		4.690.230		20.000.000	790.359.830	
18	Hồ Đức Bình	Ấp Nhà Cũ, Quách Phẩm Bắc, Dăm Dơi, Cà Mau	1566,5		1566,5	1526,6					39,9	497.442.075	64.800.000	4.784.424		20.000.000	587.026.499	
19	Phạm Thị Lợi	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	557,6		557,6			557,6				162.512.520	342.257.930	1.721.029		20.000.000	526.491.479	
20	Lê Huy Soái; Nguyễn Thị Nào	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	3714,1		3714,1	3714,1						1.179.412.455		12.393.818		20.000.000	1.211.806.273	
21	Lê Thị Lan Anh	169/1/5 - 169/1/7 Lương Đình Cua, khu phố 28, phường An	587,4		587,4	587,4						255.519.000		3.073.730		16.000.000	274.592.730	
22	Phan Công Minh	Khu phố Bình Sơn 1, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	467,6		467,6	467,6						136.282.020		5.341.413		12.000.000	153.623.433	
23	Phạm Văn Sinh - Phan Thị Kim Anh	Ấp Phước Nguyễn, xã An Phước, TP.Đồng Nai	1.607		1.607			991,8			615,2	476.988.810		8.519.862		16.000.000	501.508.672	
24	Phan Bá Lộc	23/33 Tôn Đức Thắng, tổ 5, Khu 12, xã Bình An, TP. Đồng Nai	1479,5		1479,5						1479,5	469.815.225		5.235.886		16.000.000	491.051.111	
25	Nguyễn Huy Hoàng	305A - G2 Trung Trư, Đồng Đa, Hà Nội	98,6		98,6	98,6						45.750.400	282.412.008			16.000.000	344.162.408	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)											Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp						Chưa sử dụng					
				Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm khác						
26	Bùi Công Trục	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	137,4			137,4									2.936.547	8.000.000	84.651.647
27	Trần Văn Sura - Trần Thị Công Ngợi	918, Tổ 1, Khu phố 1, phường Tam Hòa, TP. Đồng Nai	3041,6			3041,6									123.846.128	20.000.000	2.013.294.453
28	Lê Hữu Trọng; Nguyễn Mỹ Trang	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	395,3			395,3										12.000.000	208.484.910
29	Phan Thanh Hải; Trần Phú Quyết	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1			1										2.000.000	3.227.000
30	Trần Đình Lợi	Áp Xóm Đình, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	396,9			396,9									6.950.504	16.000.000	403.136.856
31	Đoàn Ngọc Xuân	Khu phố Bình Sơn 1, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	486,5			486,5									13.093.704	20.000.000	972.460.269
32	Đỗ Thanh Tùng	B07 KDC Vạn Phát Hưng, phường Phú Thuận, thành phố Hồ Chí Minh	1327,6			1327,6									23.160.000	20.000.000	967.169.600
33	Vũ Hữu Ngân; Trần Thị Nam	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1078,4			1078,4									28.495.656	16.000.000	433.916.756
34	Nguyễn Văn Tường - Hà Thị Hương	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	22,5			22,5									96.800	2.000.000	17.482.450
35	Tiêu Thị Cẩm Anh	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	473,2			473,2									2.542.546	16.000.000	330.255.546
36	Nguyễn Đức Hùng (ĐG) - Nguyễn Đức Hiệp (SD) nhân di chúc	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1,5			1,5										2.000.000	2.587.250
37	Trương Thị Kim Huệ	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	82,6			82,6									17.877.006	8.000.000	94.383.226
38	Đinh Văn Thơi - Đinh Thị Xinh	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	117,6			117,6									533.306	12.000.000	127.430.506
39	Lê Thị Huệ	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	911,9			911,9									36.122.097	20.000.000	554.823.857
40	Nguyễn Thị Phúc	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	887,9			887,9									6.412.588	16.000.000	405.417.042

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dờn	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	
			Phi nông nghiệp		Nông nghiệp						Chưa sử dụng								
			Tổng	Đất ở tại đô thị	Tổng	Đất trồng lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác							
41	Đinh Thị Thuýn	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	62,7		62,7		62,7					36.366.000	10.615.136	1.538.500		4.000.000	52.519.636		
42	Đinh Văn Thao	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	300,3		300,3	300,3						91.441.350	124.635.280			16.000.000	232.076.630		
43	Thái Khắc Hùng	7C Trần Anh Tông, phường Rạch Dừa, thành phố Hồ Chí Minh	29,3		29,3	29,3						29.739.500				4.000.000	33.739.500		
44	Vưu Hồng Diệp	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	651,2		651,2	651,2						302.156.800			309.870.615	4.000.000	616.027.415		
45	Trần Thị Nam	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	436,6		436,6			436,6				59.225.250	33.699.224	6.088.041		8.000.000	107.012.515		
46	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	436,6		436,6	436,6						158.267.500	73.539.536	15.728.396		16.000.000	263.535.432		
47	Đặng Ngọc Hải (bỏ sung)	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai													1.511.781.615		1.511.781.615		
48	Đỗ Văn Hòa (bỏ sung)	Khu phố Bình Sơn 1, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai													128.904.615	4.000.000	132.904.615		
49	Nguyễn Thị Hiệp (bỏ sung)	Khu phố Bình Sơn 1, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai													150.222.615	4.000.000	154.222.615		
50	Nguyễn Thị Ngọc Thủy (bỏ sung)	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai													344.957.415	4.000.000	348.957.415		
51	Bùi Thanh Minh (bỏ sung)	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai													105.078.615		105.078.615		
52	Nguyễn Văn Công (Bỏ sung)	Khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai													246.657.615	4.000.000	250.657.615		
Tổng			37.132,5	200,0	200,0	36.932,5	23.592,4	62,7	9.891,6	606,6	22,5	2.756,7	0,0		14.125.815.080	1.977.877.317	579.565.916	3.275.651.220	624.000.000
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																		20.582.909.533	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:																		720.401.834	
3. Tổng cộng (1+2):																		21.303.311.367	